TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2024/DS-ST
Ngày: 17-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Tư;

+ Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong các ngày 10 và 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị N, sinh năm 1962; cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Anh D, sinh năm 1959; thường trú tại: Số H Đường số A, cư xá Đ, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo văn bản ủy quyền lập ngày 24-4-2024. (Có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Văn P, sinh năm 1971; (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; (Vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn, bà Phan Thị N và người đại diện theo ủy quyền cùng trình bày: Trước đây, bà N có tham gia chơi các dây hụi do vợ chồng ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị T làm đầu thảo, cụ thể như sau:

- Dây hụi 500.000 đồng, khui ngày 25-4-2022 âm lịch, mỗi tháng khui 02

lần, gồm có 33 phần, bà N tham gia 01 phần ghi tên là Mợ Bảy C, mức đóng hụi sống cao nhất là 410.000 đồng (Bỏ thăm từ 90.000 đồng trở lên), tiền hoa hồng phải trả cho chủ hụi là 250.000 đồng/phần hụi, bà đã hốt hụi và bà T có giao tiền hụi cho bà nhưng còn nợ 4.000.000 đồng.

- Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 10-6-2022 âm lịch, mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 32 phần, bà N tham gia 01 phần ghi tên là Chị 7 Cò, mức đóng hụi sống cao nhất là 1.820.000 đồng (Bỏ thăm từ 180.000 đồng trở lên), tiền hoa hồng phải trả cho chủ hụi là 500.000 đồng/phần hụi, bà đóng được 09 kỳ thì bị đơn tuyên bố ngưng hụi. Dây hụi này hiện đã mãn nhưng ông P, bà T không trả tiền hụi chết cho bà nên nay bà N yêu cầu ông P, bà T phải trả cho bà số tiền 9.000.000 đồng.

- Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 15-01-2022 âm lịch, mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 30 phần, bà N tham gia 03 phần ghi tên là Chị 7 Cò, mức đóng hụi sống cao nhất là 800.000 đồng (Bỏ thăm từ 200.000 đồng trở lên), tiền hoa hồng phải trả cho chủ hụi là 500.000 đồng/phần hụi, bà đóng được 14 kỳ thì bị đơn tuyên bố ngưng hụi. Dây hụi này hiện đã mãn nhưng ông P, bà T không trả tiền hụi chết cho bà. Do đó, nay bà N yêu cầu ông P, bà T phải trả cho bà số tiền mà bà được lĩnh hụi 14 kỳ của 03 dây, tương đương số tiền 42.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền hụi mà ông P, bà T còn nợ bà N là 55.000.000 đồng nên nay bà N yêu cầu ông P, bà T phải trả cho bà.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn P: Đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bản sao tài liệu chứng cứ kèm theo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện đã trả tiền hụi cho bà N, vắng mặt không có lý do tại các phiên họp và phiên tòa.

Tại phiên tòa, bà Phan Thị N và người đại diện theo ủy quyền của bà N là ông Trần Anh D yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn P, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền nợ hụi là 55.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phan Thị N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn P phải trả số tiền nợ hụi, nên căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi"*. Bị đơn, bà T, ông P cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn, bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T, ông P.

[3] Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy có nhận được văn bản bản ghi tên

Nguyễn Thị T đề ngày 23-5-2024, nội dung văn bản thừa nhận bà N có tham gia chơi hụi do bà T làm đầu thảo nhưng cho rằng sau khi bể hụi đã tổ chức bốc thăm, bà T có giao tiền cho các hụi viên chỉ còn thiếu lại một ít. Tuy nhiên, văn bản này không có chữ ký của bà T nên không thể xác định được đây có phải là ý chí của bà T hay không. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bản sao tài liệu chứng cứ của các nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện; giấy triệu tập dự phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà T, ông P vắng mặt không có lý do và không cung cấp hoặc yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ để chứng cứ chứng minh ông, bà đã giao tiền hụi cho bà N là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà N có tham gia chơi hụi do bà T, ông P là đầu thảo gồm: 01 phần hụi của dây hụi 500.000 đồng khui ngày 25-4-2022 âm lịch, bà N đã hốt hụi và ông P, bà T đã trả tiền hụi cho bà nhưng còn thiếu lại 4.000.000 đồng đến nay chưa trả; 01 phần hụi của dây hụi của dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 10-6-2022 âm lịch, bà N đóng được 09 kỳ thì bị đơn tuyên bố ngưng hụi nên bà yêu cầu ông P, bà T phải trả cho bà N số tiền 9.000.000 đồng; 03 phần hụi của dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 15-01-2022 âm lịch, bà N đóng hụi được 14 kỳ thì bị đơn tuyên bố ngưng hụi nên còn nợ bà số tiền 42.000.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng ông P, bà T còn nợ bà N số tiền hụi 55.000.000 đồng. Sự việc bà N tham gia chơi hụi của bà T, ông P được một số hụi viên chơi cùng xác nhận là có, hiện bà T, ông P không chỉ nợ tiền hụi của bà N mà còn nợ tiền hụi của nhiều người khác. Như đã nhận định ở phần trên, mặc dù bà T, ông P đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu của người khởi kiện nhưng vắng mặt không có lý do tại các phiên họp và phiên tòa, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả tiền hụi cho bà N là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc này. Dây hụi mà nay bà N khởi kiện yêu cầu bà T, ông P trả tiền đều là hụi có lãi, các bên đã có thỏa thuận lãi suất, bà N thực hiện đúng nghĩa vụ của hụi viên nhưng đến khi mãn hụi bà T, ông P không giao tiền hụi là vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà N là người cao tuổi, được cho miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không có việc trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 15, khoản 2 Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn P có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị N số tiền nợ hụi 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn P phải chịu 2.750.000 (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự hoặc người đại diện theo ủy quyền của đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực